

Số: 3110/CT- BNN-KH

Hà Nội, ngày 08 tháng 5 năm 2020

CHỈ THỊ
Về việc xây dựng Kế hoạch phát triển
ngành nông nghiệp, nông thôn 5 năm 2021 - 2025

Thực hiện Chỉ thị số 18/CT-TTg ngày 13/4/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021 - 2025; Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn yêu cầu Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây viết tắt là các đơn vị) triển khai xây dựng Kế hoạch phát triển nông nghiệp, nông thôn 5 năm 2021 - 2025 (sau đây viết tắt là Kế hoạch phát triển ngành 5 năm 2021 - 2025), đồng thời tiến hành xây dựng Chương trình hành động thực hiện Kế hoạch phát triển ngành 5 năm 2021 - 2025 để phê duyệt, triển khai thực hiện ngay khi Kế hoạch 5 năm được cấp có thẩm quyền thông qua. Các nội dung chủ yếu như sau:

**A. XÂY DỰNG KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN NGÀNH NÔNG NGHIỆP,
NÔNG THÔN 5 NĂM 2021-2025**

**I. NỘI DUNG CHỦ YẾU CỦA KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN NGÀNH
NÔNG NGHIỆP, NÔNG THÔN 5 NĂM 2021-2025**

Kế hoạch phát triển ngành 5 năm 2021 - 2025 phải được xây dựng trên cơ sở đánh giá đầy đủ, chính xác tình hình và kết quả thực hiện Kế hoạch phát triển ngành giai đoạn 5 năm 2016 - 2020, các Nghị quyết của Đảng, Quốc hội, Chính phủ, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh; dự báo tình hình trong nước, thế giới và khu vực tác động, ảnh hưởng đến phát triển nông nghiệp, nông thôn; từ đó xác định mục tiêu, định hướng phát triển của kế hoạch 5 năm 2021 - 2025. Những nội dung chủ yếu của báo cáo Kế hoạch phát triển ngành 5 năm 2021 - 2025 gồm:

**1. Đánh giá tình hình thực hiện Kế hoạch phát triển ngành 5 năm
2016 - 2020**

Trên cơ sở tình hình triển khai thực hiện kế hoạch phát triển ngành các năm 2016 - 2019 và dự kiến năm 2020, các đơn vị đánh giá toàn diện kết quả thực hiện Kế hoạch phát triển ngành 5 năm 2016 - 2020 trên tất cả các lĩnh vực theo chức năng, nhiệm vụ được giao. Trong đó, cần đánh giá đầy đủ, thực chất, chính xác kết quả đạt được, phân tích rõ những thành tựu và đóng góp vào phát triển ngành, cũng như làm rõ yếu kém, hạn chế, nguyên nhân (về thể chế, tổ chức thực thi...) và bài học kinh nghiệm để có giải pháp thực hiện thiết thực hơn cho giai đoạn 2021 - 2025. Đồng thời, phân tích, đánh giá tác động của thiên tai, dịch bệnh (trong đó có dịch tả lợn châu Phi, đại dịch Covid-19) tới kết quả thực hiện Kế hoạch phát triển ngành. Cụ thể:

a) Tình hình triển khai thực hiện các Nghị quyết của Đảng, Quốc hội, Chính phủ, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016 - 2020 có liên quan đến lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn; các nhiệm vụ được giao tại Kế hoạch phát triển ngành 2016 -2020; kết quả thực hiện kế hoạch phát triển tiểu ngành, lĩnh vực giai đoạn 2016 - 2020.

b) Kết quả thực hiện chủ trương, chính sách lớn về cơ cấu lại ngành nông nghiệp gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng. Tập trung đánh giá kết quả xây dựng và triển khai các cơ chế, chính sách, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp thực hiện Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp và Kế hoạch cơ cấu lại ngành nông nghiệp giai đoạn 2017 - 2020 và các đề án/kế hoạch tái cơ cấu các tiểu ngành, lĩnh vực, các kế hoạch chuyên đề. Trong đó, cần phân tích chất lượng cơ cấu lại của từng tiểu ngành, lĩnh vực và tác động tới tăng trưởng chung của toàn ngành nông nghiệp; từng lĩnh vực, đánh giá kết quả phát triển nông, lâm, thủy sản theo 3 nhóm sản phẩm chủ lực (chủ lực quốc gia, chủ lực cấp tỉnh, chủ lực địa phương theo Chương trình “Mỗi xã một sản phẩm”), khả năng cạnh tranh của các sản phẩm chủ lực ở thị trường trong nước và quốc tế.

c) Tình hình và kết quả sản xuất, kinh doanh, chế biến nông lâm thủy sản, quản lý chất lượng, an toàn thực phẩm và phát triển thị trường; phân tích hiệu quả, chất lượng tăng trưởng của từng ngành, lĩnh vực và đóng góp vào chất lượng tăng trưởng chung của toàn ngành.

d) Tình hình thực hiện 3 đột phá chiến lược về: (i) Hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; (ii) Phát triển, đào tạo nguồn nhân lực; (iii) Xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ. Trong đó, làm rõ những kết quả đạt được so với mục tiêu kế hoạch đề ra; đặc biệt phân tích sâu các hạn chế, yếu kém, nguyên nhân khách quan và chủ quan trong quá trình thực hiện.

đ) Tình hình huy động và sử dụng các nguồn vốn đầu tư phát triển và cơ cấu các nguồn vốn đầu tư: ngân sách nhà nước, trái phiếu Chính phủ, tín dụng đầu tư phát triển; vốn từ khu vực tư nhân, dân cư; vốn ODA và vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài, vốn đầu tư nước ngoài (FDI) và vốn huy động từ các thành phần kinh tế khác.

e) Đánh giá hoạt động khoa học - công nghệ, nghiên cứu và chuyển giao, ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào phát triển nông nghiệp, nông thôn.

g) Tình hình thực hiện quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu (trong đó, đánh giá sâu về tình hình và tác động tới tăng trưởng ngành do hạn hán, sạt lở, xâm nhập mặn), triển khai và thực hiện Chương trình nghị sự 2030 vì sự phát triển bền vững.

h) Tình hình và kết quả thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020, các nhiệm vụ về phát triển nông thôn góp phần bảo đảm an sinh xã hội, giảm nghèo, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của dân cư nông thôn.

i) Đánh giá về thực hiện các nhiệm vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn kết hợp với củng cố quốc phòng, an ninh, bảo vệ chủ quyền quốc gia; các kết

qua về công tác đối ngoại và hội nhập quốc tế.

k) Đánh giá hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý nhà nước, chất lượng cán bộ, sắp xếp tinh giản bộ máy; thực hiện cải cách hành chính; xây dựng Chính phủ điện tử, cung cấp dịch vụ công trực tuyến; công tác phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

l) Đánh giá công tác chỉ đạo, phối hợp và tổ chức thực hiện với các đơn vị thuộc Bộ và với các Bộ, ngành, địa phương trong từng ngành, lĩnh vực.

2. Kế hoạch phát triển ngành nông nghiệp, nông thôn 5 năm 2021 - 2025

2.1. Bối cảnh xây dựng Kế hoạch phát triển ngành 5 năm 2021 - 2025, bao gồm nhận định, phân tích những cơ hội, thuận lợi, thách thức, rủi ro của bối cảnh trong nước, khu vực và quốc tế tác động đến việc xây dựng và thực hiện các mục tiêu phát triển của từng ngành, lĩnh vực.

2.2. Mục tiêu của Kế hoạch phát triển ngành 5 năm 2021 - 2025

a) Mục tiêu tổng quát

Phát triển nền nông nghiệp thông minh, hội nhập quốc tế, thích ứng với biến đổi khí hậu, nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững gắn với xây dựng nông thôn mới phần vinh và văn minh. Phấn đấu xây dựng nền nông nghiệp thịnh vượng, nông dân giàu có, nông thôn văn minh, hiện đại.

b) Mục tiêu cụ thể

Mục tiêu đến năm 2025: (i) Phấn đấu tốc độ tăng trưởng GDP toàn ngành khoảng 2,8 - 3,2%/năm; (ii) Tỷ lệ số xã đạt tiêu chuẩn nông thôn mới ít nhất 80% (trong đó có khoảng 40% số xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, 10% số xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu); có 50% đơn vị cấp huyện đạt chuẩn/hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới; có ít nhất 15 tỉnh được công nhận hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới; (iii) Thu nhập bình quân đầu người của dân cư nông thôn gấp 1,6 lần năm 2020; (iv) Tỷ trọng lao động nông nghiệp trong tổng lao động xã hội khoảng 25%; (v) Tỷ lệ che phủ rừng duy trì ở mức 42%.

2.2. Định hướng phát triển

Tiếp tục cơ cấu lại nông nghiệp gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng và xây dựng và nông thôn mới; tổ chức sản xuất theo chuỗi giá trị với 3 nhóm sản phẩm chủ lực; khai thác và tận dụng tốt lợi thế nền nông nghiệp nhiệt đới, xây dựng và phát triển vùng chuyên canh hàng hóa chất lượng cao, quy mô lớn đạt tiêu chuẩn phổ biến về an toàn thực phẩm; kết nối nông nghiệp với công nghiệp chế biến, bảo quản và thị trường, xuất khẩu, với chuỗi giá trị toàn cầu; tổ chức liên kết chặt chẽ giữa các địa phương trong vùng, tạo đột phá trong phát triển nhanh, bền vững, nâng cao giá trị gia tăng, hiệu quả và khả năng cạnh tranh. Nâng cao chất lượng, hiệu quả xây dựng nông thôn mới, cải thiện nhanh hơn đời sống của nông dân, góp phần xóa đói giảm nghèo, bảo vệ môi trường.

2.3. Các nhiệm vụ chính

a) Thực hiện có hiệu quả Kế hoạch cơ cấu lại ngành, tiểu ngành, lĩnh vực;

lựa chọn và sắp xếp thứ tự ưu tiên, lộ trình thực hiện các nhiệm vụ để tạo chuyển biến rõ nét trong tăng trưởng chung của toàn ngành; phát triển các sản phẩm nông sản theo 3 nhóm sản phẩm chủ lực.

b) Phát triển mạnh công nghiệp, nhất là công nghiệp chế biến nông lâm thủy sản để phát triển kinh tế nông nghiệp, nâng cao năng suất, chất lượng, giá trị gia tăng sản phẩm nông lâm thủy sản, tăng thu nhập cho nông dân. Đẩy mạnh áp dụng cơ giới hóa, cơ giới hóa đồng bộ, ưu tiên đối với những vùng sản xuất tập trung, quy mô lớn, tổ chức sản xuất theo chuỗi giá trị.

c) Đổi mới và phát triển các hình thức tổ chức sản xuất phù hợp, hiệu quả; hoàn thiện quan hệ sản xuất phù hợp, đẩy mạnh hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ nông sản, kết nối với hệ thống tiêu thụ toàn cầu.

d) Nâng cao trình độ nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao khoa học công nghệ, phát triển mạnh nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp 4.0 nhằm tạo đột phá về năng suất, chất lượng và quản trị ngành.

đ) Nâng cao chất lượng và sử dụng hiệu quả nguồn nhân lực gắn với đẩy mạnh đổi mới sáng tạo, ứng dụng và phát triển khoa học công nghệ đáp ứng nhu cầu phát triển nông nghiệp hiện đại và hội nhập quốc tế. Phát triển nhanh nguồn nhân lực qua đào tạo, nhất là nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ 4. Đổi mới phương thức và nâng cao hiệu quả đào tạo nghề cho nông dân, gắn với nhu cầu của thị trường lao động, nhu cầu của doanh nghiệp; đẩy mạnh xã hội hóa công tác đào tạo nghề.

e) Tăng cường và nâng cao hiệu quả công tác quản lý chất lượng vật tư nông nghiệp và vệ sinh an toàn thực phẩm. Hoàn thiện hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn quản lý chất lượng vật tư nông nghiệp, đảm bảo ATTP và kiểm tra chuyên ngành, hài hòa với các chuẩn mực quốc tế và tạo môi trường thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp đầu tư sản xuất, kinh doanh, liên kết phát triển các chuỗi giá trị nông sản chất lượng cao, đảm bảo ATTP.

g) Đẩy mạnh phát triển thị trường; tổ chức lại hệ thống thương mại nông sản nội địa; nâng cao năng lực nghiên cứu và dự báo thị trường; kết nối với mạng lưới tiêu thụ toàn cầu với mục tiêu chung là tiêu thụ kịp thời, hiệu quả nông sản cho nông dân; nâng cao vị thế và khả năng cạnh tranh của hàng nông sản Việt Nam, cả thị trường nội địa và quốc tế. Tận dụng cơ hội của việc tham gia các hiệp định thương mại tự do để mở rộng thị trường xuất khẩu nông sản; tổ chức lại thị trường trong nước phù hợp với xu thế phát triển của cách mạng công nghiệp 4.0, tạo động lực thúc đẩy phát triển sản xuất trong nước. Chủ động và tích cực hội nhập quốc tế nhằm thu hút nguồn đầu tư nước ngoài, mở rộng thị trường xuất khẩu và đẩy mạnh các hoạt động hợp tác khoa học, đào tạo.

h) Xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ, đa mục tiêu. Tập trung đầu tư hạ tầng phục vụ sản xuất nông lâm thủy sản; ưu tiên đầu tư hạ tầng phục vụ các lĩnh vực sản xuất có lợi thế; tiếp tục đầu tư hệ thống thủy lợi, phòng chống, giảm nhẹ thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu. Thực hiện đổi mới cơ cấu và cơ chế đầu tư, nâng cao hiệu quả đầu tư công phục vụ tái cơ cấu lại ngành nông

nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững gắn với xây dựng nông thôn mới.

i) Xây dựng nông thôn thịnh vượng, văn minh. Đẩy mạnh phát triển công nghiệp, dịch vụ, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động trong nông thôn. Phát triển ngành nghề nông thôn; hỗ trợ bảo tồn và phát triển các làng nghề; gắn hoạt động kinh tế của các làng nghề với dịch vụ du lịch và bảo tồn, phát triển văn hóa truyền thống, bảo vệ môi trường. Thực hiện hiệu quả chương trình “Mỗi xã một sản phẩm”. Xây dựng nông thôn mới phát triển toàn diện, bền vững gắn với đô thị hóa; nâng cao chất lượng tiêu chí xây dựng nông thôn mới, từng bước tiệm cận điều kiện về hạ tầng và dịch vụ của các đô thị văn minh, xanh, sạch, đẹp, bình an, giàu bản sắc văn hóa truyền thống. Ưu tiên hỗ trợ xây dựng nông thôn mới ở các vùng có nhiều khó khăn, nhất là miền núi, hải đảo, không để tụt hậu và thua kém quá xa so với các vùng khác.

k) Tăng cường quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường và chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng tránh thiên tai. Nâng cao hiệu quả công tác tuyên truyền, nâng cao ý thức về việc bảo vệ môi trường nông thôn. Có chính sách đẩy mạnh xã hội hóa công tác bảo vệ môi trường, khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường nông thôn, nhất là ở các làng nghề. Ưu tiên huy động nguồn lực bảo vệ và phát triển rừng, xây dựng các công trình phòng chống thiên tai, hỗ trợ chuyển đổi cơ cấu sản xuất nông nghiệp, áp dụng các biện pháp sử dụng tiết kiệm nước và vật tư nông nghiệp, giảm phát thải khí nhà kính.

l) Tiếp tục hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng XHCN, hoàn thiện cơ chế, chính sách để huy động nguồn lực, tạo động lực mới cho phát triển nông nghiệp, nhất là tháo gỡ vướng mắc trong chính sách đất đai, đầu tư, phát triển công nghiệp và dịch vụ hỗ trợ. Tăng cường nguồn lực đầu tư cho phát triển nông nghiệp, nông thôn, nhất là từ ngân sách Nhà nước và trái phiếu chính phủ; huy động nguồn lực ngoài ngân sách cho phát triển nông nghiệp, nông thôn.

m) Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước; thực hiện tốt công tác cải cách hành chính; thúc đẩy chính phủ điện tử; tăng cường công tác phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm chống lãng phí.

n) Tăng cường kết hợp phát triển nông nghiệp, nông thôn với góp phần bảo vệ quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội.

Trên cơ sở các mục tiêu, định hướng, nhiệm vụ nêu trên, các đơn vị cụ thể hóa thành cơ chế, chính sách, giải pháp để thực hiện thành công Kế hoạch phát triển ngành 5 năm 2021 - 2025. Cơ chế, chính sách, giải pháp đảm bảo thống nhất về nguyên tắc, mục tiêu chung, đồng thời phải phù hợp với điều kiện thực tiễn và trình độ phát triển của toàn ngành, từng tiểu ngành, lĩnh vực, địa phương.

II. YÊU CẦU XÂY DỰNG KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN NGÀNH 5 NĂM 2021 - 2025

1. Trong tổ chức đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch phát triển ngành 5 năm 2016 - 2020

a) Việc đánh giá Kế hoạch phát triển ngành 5 năm 2016 - 2020 cần bám

sát các mục tiêu, chỉ tiêu, định hướng phát triển về nông nghiệp, nông thôn theo các Nghị quyết của Quốc hội, Chính phủ, Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh về phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016 - 2020, Kế hoạch phát triển ngành 5 năm 2016 - 2020, các Quyết định của Bộ Nông nghiệp và PTNT phê duyệt Kế hoạch phát triển ngành 5 năm 2016 - 2020, hàng năm và các chương trình, kế hoạch hành động của Bộ, đơn vị.

b) Việc tổ chức đánh giá phải huy động, phát huy được sự phối hợp của các cơ quan chuyên môn, cơ quan nghiên cứu, các hiệp hội, doanh nghiệp có liên quan, bảo đảm tính khách quan, trung thực, đúng thực tiễn và có sự so sánh với kết quả thực hiện của giai đoạn 2011 - 2015.

2. Trong xây dựng Kế hoạch phát triển ngành 5 năm 2021 - 2025

a) Kế hoạch phát triển ngành 5 năm 2021 - 2025 của cả nước phải bám sát các Nghị quyết, chủ trương, đường lối của Đảng, Quốc hội, Chính phủ và phù hợp với Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021 - 2030, Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021 - 2025; phù hợp với Chiến lược phát triển ngành, các tiểu ngành, lĩnh vực; phù hợp với Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội cả nước, quy hoạch ngành cấp quốc gia có liên quan.

b) Kế hoạch phát triển ngành 5 năm 2021 - 2025 của các tiểu ngành, lĩnh vực, đơn vị và các địa phương phải phù hợp với Kế hoạch phát triển ngành 5 năm 2021 - 2025 của cả nước, các quy hoạch ngành cấp quốc gia, các chương trình, đề án có liên quan đã được các cấp phê duyệt; phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, đặc điểm và trình độ phát triển cụ thể của mỗi tiểu ngành, lĩnh vực, đơn vị và địa phương; bám sát những dự báo, đánh giá tình hình và bối cảnh trong nước, quốc tế trong giai đoạn tới; đảm bảo tính kế thừa những thành quả, khắc phục những tồn tại, hạn chế trong giai đoạn 2016 - 2020.

c) Các mục tiêu, định hướng và nhiệm vụ, giải pháp, chính sách thực hiện phải bảo đảm tính khả thi, gắn với khả năng cân đối, huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực; cần phân tích, đánh giá, sắp xếp thứ tự các mục tiêu ưu tiên và giải pháp phù hợp; đảm bảo sự gắn kết chặt chẽ giữa kế hoạch phát triển và kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 của ngành.

d) Trong quá trình xây dựng Kế hoạch phát triển ngành, tiểu ngành, lĩnh vực 5 năm 2021 - 2025 cần bám sát hướng dẫn và tổ chức lấy ý kiến rộng rãi các cơ quan, tổ chức có liên quan nhằm tạo sự đồng thuận cao, trước khi trình cấp có thẩm quyền quyết định.

B. XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG THỰC HIỆN KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN NGÀNH 5 NĂM 2021 - 2025

1. Đánh giá đầy đủ, chính xác việc thực hiện nhiệm vụ trong Chương trình hành động của Bộ Nông nghiệp và PTNT, của các đơn vị thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016 - 2020, Kế hoạch phát triển ngành, tiểu ngành, lĩnh vực 5 năm 2016 - 2020; gồm các kết quả đạt được (bao gồm cả công tác tổ chức, phối hợp thực hiện), các hạn chế, tồn tại, nguyên nhân, trách nhiệm liên quan đến hạn chế, tồn tại và bài học kinh nghiệm rút ra để có biện pháp

khắc phục cho giai đoạn 2021 - 2025; trong đó:

a) Các đơn vị thuộc Bộ báo cáo đánh giá kết quả thực hiện các nhiệm vụ được giao tại các văn bản của Bộ Nông nghiệp và PTNT như sau: (i) Quyết định số 3640/QĐ-BNN-KH ngày 05/9/2016 ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 63/NQ-CP ngày 22/7/2016 của Chính phủ về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016 - 2020 và báo cáo theo Phụ lục số 1 kèm theo; (ii) Quyết định số 3540/QĐ-BNN-KH ngày 26/8/2016 ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 64/NQ-CP ngày 22/7/2016 của Chính phủ triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng; (iii) Quyết định số 3540/QĐ-BNN-KH ngày 26/8/2016 ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 100/NQ-CP ngày 18/11/2016 của Chính phủ về Chương trình hành động nhiệm kỳ 2016 - 2021; (iv) Các văn bản khác ban hành Chương trình/Kế hoạch hành động về phát triển ngành hàng năm và chuyên đề.

b) Các Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đánh giá kết quả thực hiện các nhiệm vụ của ngành được giao tại Quyết định của UBND cấp tỉnh ban hành Chương trình/Kế hoạch hành động thực hiện các Nghị quyết của Quốc hội, Chính phủ và Hội đồng nhân dân cùng cấp, Kế hoạch phát triển ngành 5 năm 2016 - 2020 của cả nước và địa phương.

2. Căn cứ dự kiến Kế hoạch phát triển ngành 5 năm 2021 - 2025 của ngành, tiểu ngành, lĩnh vực, các đơn vị xây dựng Chương trình hành động thực hiện Kế hoạch phát triển nông nghiệp, nông thôn 5 năm của đơn vị, địa phương và đề xuất những nhiệm vụ, chương trình, đề án cụ thể đưa vào Chương trình hành động của Bộ thực hiện Kế hoạch phát triển ngành 5 năm 2021 - 2025 (theo Phụ lục số 2 kèm theo).

C. TIẾN ĐỘ VÀ PHÂN CÔNG TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Vụ Kế hoạch

a) Xây dựng các đề cương Kế hoạch phát triển ngành 5 năm 2021 - 2025 và Chương trình hành động của Bộ Nông nghiệp và PTNT thực hiện Kế hoạch phát triển ngành 5 năm 2021 - 2025; phân công nhiệm vụ và tiến độ báo cáo cụ thể đối với các đơn vị trong tháng 5 năm 2020.

b) Đôn đốc, kiểm tra các đơn vị xây dựng Kế hoạch phát triển ngành 5 năm 2021 - 2025 và Chương trình hành động thực hiện Kế hoạch phát triển ngành 5 năm 2021 - 2025.

c) Chủ trì tổng hợp và xây dựng dự thảo Kế hoạch phát triển ngành 5 năm 2021 - 2025, Chương trình hành động của Bộ thực hiện Kế hoạch phát triển ngành 5 năm 2021 - 2025, trình Bộ để gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư trước ngày 15/7/2020.

đ) Trình Bộ trưởng ban hành Kế hoạch phát triển ngành 5 năm 2021 - 2025 và Chương trình hành động của Bộ thực hiện Kế hoạch phát triển ngành 5 năm 2021 - 2025 sau khi Chính phủ thông qua Kế hoạch phát triển kinh tế - xã

hội 5 năm 2021 - 2025 và ban hành Chương trình hành động thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021 - 2025 của cả nước.

2. Các đơn vị thuộc Bộ và các Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

a) Chủ động tổ chức triển khai thực hiện; hướng dẫn các đơn vị trực thuộc xây dựng Kế hoạch phát triển ngành 5 năm 2021 - 2025 và Chương trình hành động thực hiện Kế hoạch phát triển ngành 5 năm 2021 - 2025 thuộc ngành, lĩnh vực phụ trách trong tháng 5 năm 2020.

b) Xây dựng Kế hoạch phát triển nông nghiệp, nông thôn 5 năm 2021 - 2025 và Chương trình hành động thực hiện Kế hoạch phát triển nông nghiệp, nông thôn 5 năm 2021 - 2025 thuộc ngành, lĩnh vực, địa phương phụ trách trình cấp có thẩm quyền; đồng thời gửi về Bộ (Vụ Kế hoạch) trước ngày 30/6/2020.

c) Bố trí đủ kinh phí trong dự toán chi ngân sách nhà nước hàng năm của các đơn vị để xây dựng Kế hoạch phát triển ngành, tiểu ngành, lĩnh vực 5 năm 2021 - 2025 bảo đảm nâng cao chất lượng các báo cáo kế hoạch phát triển.

Việc xây dựng Kế hoạch phát triển ngành 5 năm 2021 - 2025 có ý nghĩa hết sức quan trọng, góp phần thực hiện thắng lợi kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021 - 2025; đây cũng là một trong những nhiệm vụ trọng tâm của toàn ngành trong các tháng cuối năm 2020. Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn yêu cầu Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ, Giám đốc các Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tập trung xây dựng Kế hoạch phát triển nông nghiệp, nông thôn 5 năm 2021 - 2025 và Chương trình hành động thực hiện Kế hoạch phát triển nông nghiệp, nông thôn 5 năm 2021 - 2025 với chất lượng cao nhất, gửi về Bộ (Vụ Kế hoạch) theo đường văn bản và theo thư điện tử: kh@mard.gov.vn, đồng thời cập nhật qua cơ sở dữ liệu giám sát đánh giá ngành nông nghiệp (<https://giamsatdanhgia.mard.gov.vn>) theo đúng thời gian quy định để tổng hợp. Các hướng dẫn xây dựng kế hoạch và biểu mẫu kèm theo đăng tại trang Website của Vụ Kế hoạch (<http://vukehoach.mard.gov.vn>).

Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn yêu cầu Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ và Giám đốc các Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có trách nhiệm tổ chức thực hiện tốt Chỉ thị này./.

Nơi nhận:

- Bộ trưởng, các Thứ trưởng;
- Bộ KH vàĐT, Bộ TC;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các đơn vị thuộc Bộ;
- Các Sở NN và PTNT;
- Website Bộ NN và PTNT;
- Lưu: VT, KH.

BỘ TRƯỞNG





Nguyễn Xuân Cường

PHIẾU TRÌNH VĂN BẢN

- **Nội dung văn bản:** Chỉ thị của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc xây dựng Kế hoạch phát triển nông nghiệp, nông thôn 5 năm 2021 - 2025

- **Hồ sơ kèm theo:**

+ Chỉ thị số 18/CT-TTg ngày 13/4/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021 - 2025

1- Công chức soạn thảo chịu trách nhiệm chính Ngày / /2020 Vụ Kế hoạch Chuyên viên chính: Trần Gia Long	2- Thủ trưởng đơn vị chủ trì soạn thảo Ngày / / VỤ TRƯỞNG VỤ KẾ HOẠCH  Nguyễn Văn Việt
3- Ý kiến các đơn vị phối hợp soạn thảo Ngày / /	4- Thủ trưởng đơn vị phối hợp soạn thảo
5- Ý kiến lãnh đạo Văn phòng Bộ  Ký bởi: Nguyễn Hà Xuyên Cơ quan: Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Thời gian ký: 08/05/2020 11:34:06	6- Ý kiến lãnh đạo Bộ

Phụ lục II

**DỰ KIẾN DANH MỤC CÁC CƠ CHẾ, CHÍNH SÁCH, QUY HOẠCH,
CHƯƠNG TRÌNH, ĐỀ ÁN THUỘC CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG
CỦA BỘ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN NGÀNH 5 NĂM 2021-2025**
(Kèm theo *Chỉ thị số 3110 CT-BNN-KH* ngày 08 tháng 5 năm 2020
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

TT	Tên Chính sách/Đề án/Chương trình	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian trình	Cấp trình	Hình thức văn bản
I	CÁC CƠ CHẾ, CHÍNH SÁCH					
1						
2						
3						
...						
II	CÁC QUY HOẠCH					
1						
2						
3						
...						
III	CÁC CHƯƠNG TRÌNH					
1						
2						
3						
...						
IV	CÁC ĐỀ ÁN					
1						
2						
3						
...						

Phụ lục I

Danh mục Các chương trình, đề án thuộc Chương trình hành động của Bộ Nông nghiệp và PTNT thực hiện Nghị quyết số 63/NQ-CP ngày 22/7/2016 của Chính phủ về Chương trình hành động triển khai thực hiện Nghị quyết của Quốc hội về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016 - 2020
(Kèm theo Chỉ thị số 31/CT-BNN-KH ngày 08 tháng 5 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT)

TT	Tên Đề án/Chương trình	Cơ quan chủ trì	Thời gian trình	Hình thức văn bản	Thời gian hoàn thành	Kết quả chính
I. Trồng trọt, bảo vệ thực vật						
1.	Đề án phát triển các vùng lương thực trọng điểm quốc gia	Cục Trồng trọt	2016 - 2017	Quyết định của TTgCP		
2.	Đề án tái cơ cấu ngành hàng lúa gạo	Cục Trồng trọt	2016 - 2017	Quyết định của TTgCP		
II. Chăn nuôi, thú y						
3.	Chương trình quốc gia phòng, chống bệnh Đại trên động vật giai đoạn 2016 - 2020	Cục Thú y	2016 - 2017	Quyết định của TTgCP		
4.	Đề án phát triển chăn nuôi các tỉnh Trung du miền núi phía Bắc và Bắc Trung Bộ	Cục Chăn nuôi	2016	Quyết định của Bộ trưởng		
5.	Đề án xây dựng hệ thống quản lý chăn nuôi quốc gia	Cục Chăn nuôi	2016 - 2017	Quyết định của Bộ trưởng		
6.	Đề án xây dựng hệ thống quản lý giống vật nuôi quốc gia	Cục Chăn nuôi	2017 - 2018	Quyết định của Bộ trưởng		
7.	Đề án quy hoạch các trạm kiểm dịch động vật	Cục Thú y	2017- 2018	Quyết định của Bộ trưởng		
8.	Đề án đổi mới cơ chế tự chủ của các Trung tâm sự nghiệp công lập thuộc Cục Thú y	Cục Thú y	2016 - 2018	Quyết định của Bộ trưởng		
III. Thủy sản						
9.	Đề án phát triển nghề khai thác viễn dương tại Việt Nam	Tổng cục Thủy sản	2016	Quyết định của TTgCP		
10.	Đề án xây dựng hệ thống thông tin nghề cá Việt Nam	Tổng cục Thủy sản	2016	Quyết định của TTgCP		

TT	Tên Đề án/Chương trình	Cơ quan chủ trì	Thời gian trình	Hình thức văn bản	Thời gian hoàn thành	Kết quả chính
11.	Đề án đổi mới xây dựng HTX và liên minh nghề cá	Tổng cục Thủy sản	12/2016	Quyết định của TTgCP		
12.	Đề án thành lập các trường Đại học thủy sản	Tổng cục Thủy sản	12/2016	Quyết định của TTgCP		
13.	Đề án thu hút vốn ngoài ngân sách hỗ trợ đầu tư vào cơ sở hạ tầng phát triển ngành thủy sản	Tổng cục Thủy sản	2017	Quyết định của Bộ trưởng		
14.	Đề án nâng cao năng lực cạnh tranh ngành thủy sản trong bối cảnh Việt Nam hội nhập kinh tế quốc tế và triển khai các FTA với các đối tác lớn	Tổng cục Thủy sản	2016	Quyết định của Bộ trưởng		
15.	Đề án tăng cường năng lực thống kê và thông tin thủy sản	Tổng cục Thủy sản	10/2016	Quyết định của Bộ trưởng		
16.	Đề án đào tạo thuyền trưởng và máy trưởng	Tổng cục Thủy sản	10/2017	Quyết định của Bộ trưởng		
17.	Đề án đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực của Tổng cục thủy sản	Tổng cục Thủy sản	12/2016	Quyết định của Bộ trưởng		
18.	Đề án xã hội hóa một số dịch vụ công thuộc lĩnh vực thủy sản	Tổng cục Thủy sản	12/2016	Quyết định của Bộ trưởng		
IV. Lâm nghiệp						
19.	Đề án liên kết trong sản xuất lâm nghiệp giai đoạn 2016 - 2020	Tổng cục Lâm nghiệp	2016 - 2017	Quyết định của Bộ trưởng		
20.	Đề án cấp chứng chỉ rừng	Tổng cục Lâm nghiệp	2016 - 2017	Quyết định của Bộ trưởng		
21.	Đề án phát triển lâm nghiệp công nghệ cao giai đoạn 2016-2030	Tổng cục Lâm nghiệp	2016-2017	Quyết định của Bộ trưởng		
V. Thủy lợi, Phòng chống thiên tai						
22.	Đề án nâng cao năng lực Quốc gia về phòng, chống thiên tai	Tổng cục Thủy lợi	2016-2017	Quyết định của TTgCP		
VI. Quản lý chất lượng vật tư nông nghiệp, vệ sinh an toàn thực phẩm						
23.	Đề án kiểm soát, ngăn chặn hành vi đưa tạp chất vào tôm	Cục QL chất	2016	Quyết định của		

TT	Tên Đề án/Chương trình	Cơ quan chủ trì	Thời gian trình	Hình thức văn bản	Thời gian hoàn thành	Kết quả chính
	nguyên liệu và sản xuất, kinh doanh sản phẩm tôm có tạp chất	lượng NLS và TS		TTgCP		
24.	Đề án tăng cường quản lý chất lượng nông lâm thủy sản giai đoạn 2016 - 2020	Cục QL chất lượng NLS và TS	2016	Quyết định của Bộ trưởng		
VII. Phát triển nguồn nhân lực ngành Nông nghiệp và PTNT						
25.	Đề án quản lý Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cấp xã giai đoạn 2017 - 2025	Vụ Tổ chức cán bộ	Quý IV/2016	Quyết định của TTgCP		
26.	Đề án quy hoạch mạng lưới các tổ chức sự nghiệp công lập thuộc Bộ	Vụ Tổ chức cán bộ	2016	Quyết định của TTgCP		
27.	Đề án phương thức hoạt động của Ban Nông nghiệp xã	Vụ Tổ chức cán bộ	Quý III/2017	Quyết định của TTgCP		
VIII. Tái cơ cấu ngành nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới						
28.	Chương trình Khoa học công nghệ phục vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020 (Điều chỉnh)	Vụ KHCN và MT	2016 - 2017	Quyết định của TTgCP		
29.	Đề án thực hiện tái cơ cấu lĩnh vực trồng trọt năm 2014-2015, giai đoạn 2016-2020	Cục Trồng trọt	2016 - 2017	Quyết định của Bộ trưởng		
30.	Đề án tái cơ cấu ngành chăn nuôi theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và hội nhập quốc tế (Điều chỉnh)	Cục Chăn nuôi	2016 - 2017	Quyết định của Bộ trưởng		
31.	Đề án Tái cơ cấu ngành Lâm nghiệp (Điều chỉnh)	Tổng cục Lâm nghiệp	2016 - 2017	Quyết định của Bộ trưởng		
32.	Đề án tái cơ cấu ngành thủy sản theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững (Điều chỉnh)	Tổng cục Thủy sản	2016 - 2017	Quyết định của Bộ trưởng		
33.	Đề án tái cơ cấu ngành thủy lợi (Điều chỉnh)	Tổng cục Thủy lợi	2016 - 2017	Quyết định của Bộ trưởng		
34.	Đề án Nâng cao giá trị gia tăng hàng NLTS trong chế biến và giảm tổn thất sau thu hoạch (Điều chỉnh)	Cục Chế biến NLTS và NM	2016 - 2017	Quyết định của Bộ trưởng		